SỞ NGOẠI VỤ

DEPARTMENT OF FOREIGN AFFAIRS

Nâng cao giá trị

NÔNG LÂM SẢN LẠNG SƠN

Boosting The Value Of
Lang Son's Agro-Forestry Products

Mục lục

Content

PHẦN I - TỈNH LẠNG SƠN VỚI TIỀM NĂNG PHÁT TRIỂN NÔNG LÂM NGHIỆP
Lang Son province and its potential for agro-forestry development 02

PHẦN II - CÁC NÔNG LÂM SẢN CHỦ LỰC
Key agro-forestry products 06

1. Cây Hồi/ *Star anise* 07
2. Cây Quế/ *Cinnamon* 08
3. Thạch Đen/ *Black Jelly* 09
4. Cây Chè/ *Tea* 10
5. Cây Sở/ *Camellia Tree* 11
6. Quả Hồng (gồm hồng Vành Khuyên và hồng không hạt Bảo Lâm)/ *Persimmon (including Vanh Khuyen persimmon and Bao Lam seedless persimmon)* 12
7. Quả Na/ *Custard Apple* 13
8. Cây Keo/ *Acacia Tree* 14
9. Cây Bạch Đàn/ *Eucalyptus Tree* 15
10. Cây Thông/ *Pine Tree* 16

PHẦN III - CHÍNH SÁCH ƯU ĐÃI ĐẦU TƯ NGÀNH NÔNG, LÂM NGHIỆP
Preferential investment policies for agro-forestry sector 18

Phương hướng phát triển ngành nông, lâm nghiệp
Orientation for the development of agro-forestry sector 28

Phần I - PART I

TỈNH LẠNG SƠN VỚI TIỀM NĂNG PHÁT TRIỂN NÔNG LÂM NGHIỆP

Lang Son province and its potential for agro-forestry development

Vị trí địa lý:

- Thuộc vùng Trung du và miền núi phía Bắc, khu vực Đông Bắc Việt Nam.
- Cách Hà Nội 153km.
- Là điểm đầu tiên của Việt Nam trên hai tuyến hành lang kinh tế: Nam Ninh (Trung Quốc) - Lạng Sơn - Hà Nội - Hải Phòng và Lạng Sơn - Hà Nội - TP. Hồ Chí Minh - Mộc Bài (tham gia hành lang xuyên Á Nam Ninh - Singapore), là cửa ngõ quan trọng nối Trung Quốc và các nước ASEAN.
- Có 231,74 km đường biên giới tiếp giáp với Khu tự trị dân tộc Choang, Quảng Tây, Trung Quốc.

Diện tích tự nhiên: 8.310,18 km².

Dân số: khoảng hơn 814.000 người.

Geographical Location:

- *Located in the Northern Midlands and Mountainous Region, in the Northeast of Viet Nam.*
- *153 km from Ha Noi.*
- *Lang Son is the first gateway of Viet Nam on two key economic corridors: Nanning (China) – Lang Son – Ha Noi – Hai Phong and Lang Son – Ha Noi - Ho Chi Minh city – Moc Bai (the latter participating in the Nanning - Singapore Trans-Asian Economic Corridor) serving as an important gateway connecting China with ASEAN countries.*
- *The province shares 231,74 km of border with the Guangxi Zhuang Autonomous Region, China.*

Total Area: *8,310.18 km².*

Population: *Over 814,000 people.*

Tiềm năng phát triển nông lâm nghiệp:

- Diện tích đất nông nghiệp chiếm trên 80% tổng diện tích đất tự nhiên. Đất đai thổ nhưỡng khá màu mỡ, cùng với khí hậu á nhiệt đới, có điều kiện tốt để phát triển đa dạng, phong phú các loài cây trồng ôn đới, cận nhiệt đới và nhiệt đới.

  Đã phát triển và hình thành một số vùng sản xuất tập trung cho sản phẩm có giá trị kinh tế như: Vùng thông, vùng hồi, vùng chè, vùng thạch đen, vùng na, vùng hồng không hạt, quýt,...
- Nhóm sản phẩm chủ lực quốc gia: Gạo, chè, rau quả, sắn và sản phẩm của sắn, thịt lợn, thịt và trứng gia cầm; gỗ và sản phẩm gỗ.
- Nhóm sản phẩm chủ lực cấp tỉnh: Nhóm sản phẩm lâm nghiệp, dược liệu gồm: cây hồi; gỗ và sản phẩm chế biến từ gỗ, nhựa thông; quế, sở, chè, dược liệu và đào; Nhóm sản phẩm nông nghiệp bao gồm: Na, rau, ớt, khoai lang; đỗ tương, lạc, ngô; thạch đen; hồng (Vành Khuyên, Bảo Lâm); cây có múi (bưởi, cam, quýt).

Agro-forestry development potential:

- *Agricultural land accounts for over 80% of the total natural area. With fertile soil and a subtropical climate, Lang Son has favorable conditions for developing a diverse range of temperate, subtropical, and tropical crops.*

  The province has established several specialized production zones for high-value agricultural products such as pine, star anise, tea, black jelly, custard apple, seedless persimmon, and mandarin, etc.
- *National key products: Rice, tea, fruits and vegetables, cassava and cassava-based products, pork, poultry meat and eggs, timber and wood products.*
- *Provincial key products: Forestry and medicinal plants including: star anise, timber and wood products, pine resin, cinnamon, camellia, tea, medicinal herbs, and peach; Crops including: Custard apple, vegetables, chili, sweet potato, soybean, peanut, maize, black jelly, persimmon (Vanh Khuyen, Bao Lam), and citrus fruits (grapefruit, orange, mandarin).*

NGHIỆP

PMENT STATUS

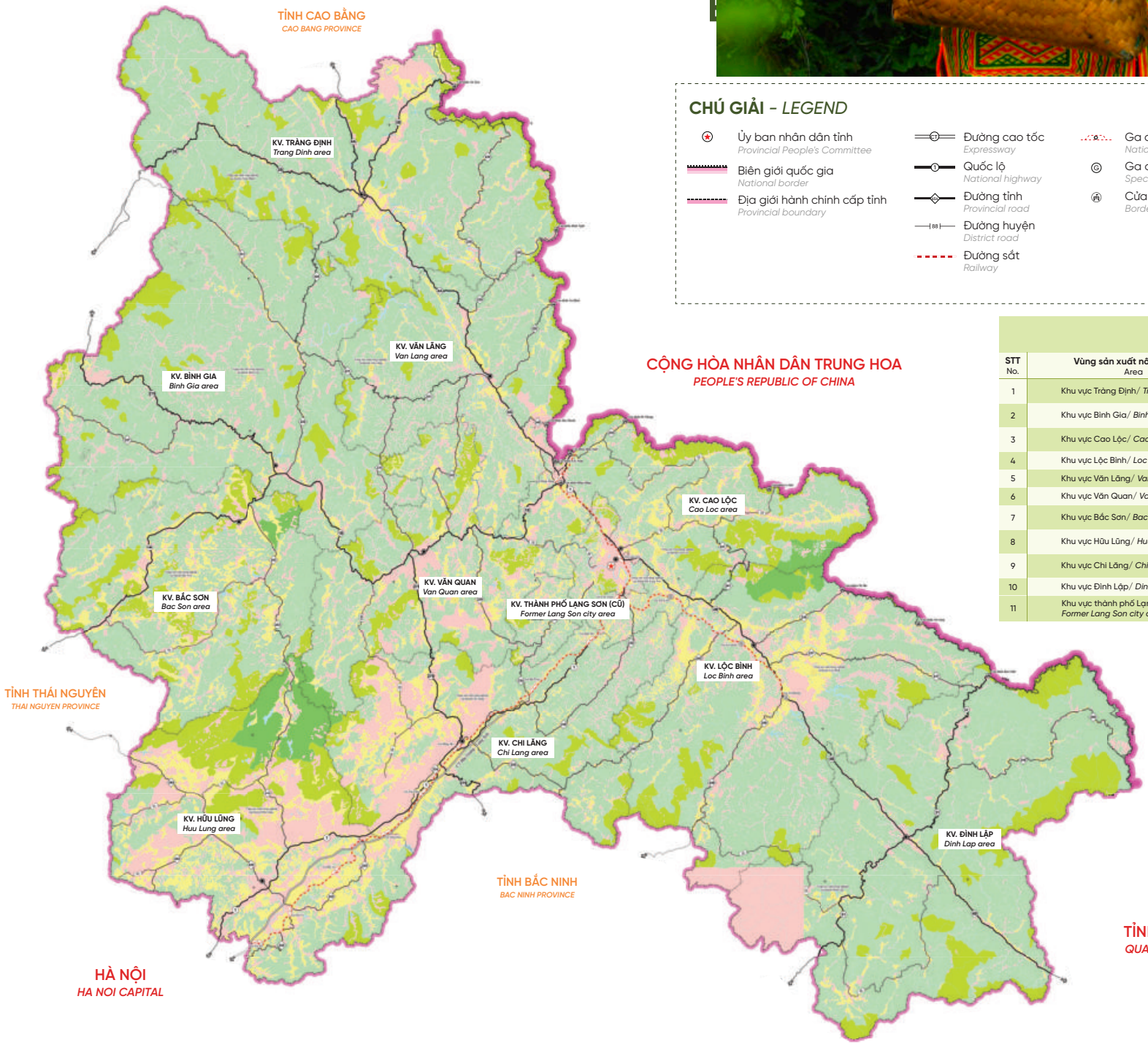

CHÚ GIẢI - *LEGEND*

- Ủy ban nhân dân tỉnh *Provincial People's Committee*
- Biên giới quốc gia *National border*
- Địa giới hành chính cấp tỉnh *Provincial boundary*
- Đường cao tốc *Expressway*
- Quốc lộ *National highway*
- Đường tỉnh *Provincial road*
- Đường huyện *District road*
- Đường sắt *Railway*
- Ga đường sắt quốc gia *National railway station*
- Ga đường sắt chuyên dùng *Specialized railway station*
- Cửa khẩu *Border gate*
- Rừng phòng hộ/ *Protection forest*
- Rừng sản xuất/ *Production forest*
- Rừng đặc dụng/ *Special-use forest*
- Vùng trồng trọt tập trung *Concentrated cultivation area*
- Vùng trồng cây ăn quả/ *Fruit tree area*
- Vùng nuôi trồng thủy sản/ *Aquaculture area*
- Đất phi nông nghiệp/ *Non-agricultural land*
- Vùng sản xuất nông nghiệp tập trung *Concentrated agricultural production area*

HIỆN TRẠNG VÙNG SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP TẬP TRUNG
Current Status Of Concentrated Agricultural Production Area

STT No.	Vùng sản xuất nông nghiệp Area	Sản phẩm chủ yếu Key products
1	Khu vực Tràng Định/ *Trang Dinh area*	Lúa, khoai, thạch đen và cây ăn quả, quế *Rice, potato, black jelly, fruits, cinnamon*
2	Khu vực Bình Gia/ *Binh Gia area*	Thạch đen, chè, cây ăn quả, thuốc lá nguyên liệu, quế *Black jelly, tea, fruits, tobacco, cinnamon*
3	Khu vực Cao Lộc/ *Cao Loc area*	Cây ăn quả, rau, thông, hồi *Fruits, vegetables, pine, star anise*
4	Khu vực Lộc Bình/ *Loc Binh area*	Khoai, cây ăn quả/ *Potato, fruits*
5	Khu vực Văn Lãng/ *Van Lang area*	Thạch đen, cây ăn quả, quế/ *Black jelly, fruits, cinnamon*
6	Khu vực Văn Quan/ *Van Quan area*	Lúa, cây ăn quả/ *Rice, fruits*
7	Khu vực Bắc Sơn/ *Bac Son area*	Chè, cây ăn quả, thuốc lá nguyên liệu, quế *Tea, fruits, tobacco, cinnamon*
8	Khu vực Hữu Lũng/ *Huu Lung area*	Lúa, cây ăn quả, hồi, thuốc lá nguyên liệu, keo & bạch đàn *Rice, fruits, star anise, tobacco, acacia & eucalyptus*
9	Khu vực Chi Lăng/ *Chi Lang area*	Cây ăn quả, thuốc lá nguyên liệu, keo & bạch đàn *Fruits, tobacco, acacia & eucalyptus*
10	Khu vực Đình Lập/ *Dinh Lap area*	Chè, thông, keo & bạch đàn/ *Tea, pine, acacia & eucalyptus*
11	Khu vực thành phố Lạng Sơn *(Cũ)* *Former Lang Son city area*	Rau/ *Vegetables*

Phần II - PART II

CÁC NÔNG LÂM SẢN CHỦ LỰC

Key agro-forestry products

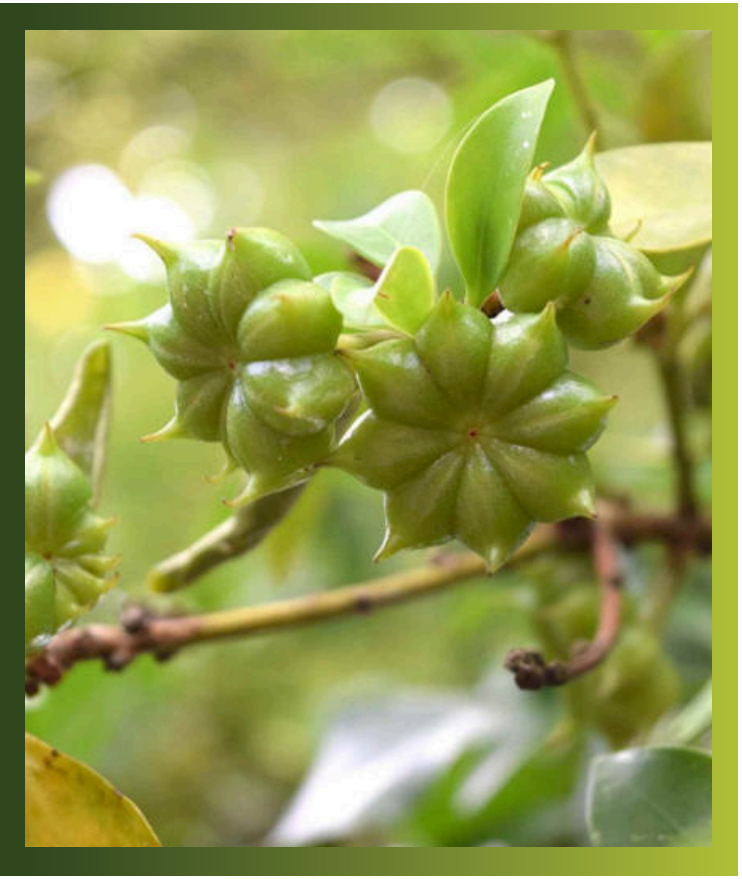

1. CÂY HỒI - *Star anise*

Diện tích trồng: 43.370 ha, chiếm khoảng 70% diện tích hồi cả nước. Trồng tập trung tại các xã: Yên Phúc, Tân Đoàn, Khánh Khê, Điềm He, Thiện Thuật, Bình Gia,...

Diện tích thu hoạch: 28.000 ha hồi đang cho thu hoạch ổn định.

Sản lượng hoa Hồi khô: 12.000 - 14.000 tấn/năm.

Đặc trưng: Hoa hồi Lạng Sơn có hàm lượng tinh dầu cao, trong tinh dầu không có độc tố.

Được chứng nhận bảo hộ Chỉ dẫn địa lý "Quả hồi và tinh dầu hồi Lạng Sơn" từ năm 2007 và được công nhận là top 10 đặc sản thiên nhiên tốt nhất của Việt Nam. Từ năm 2020 đến nay, được công nhận và bảo hộ chỉ dẫn địa lý tại Liên minh châu Âu (EU). Năm 2022, được hỗ trợ đăng ký bảo hộ chỉ dẫn địa lý tại Nhật Bản.

Chế biến: phơi hoặc sấy thành hồi khô, chế biến thành tinh dầu hồi, nguyên liệu trong y, dược, thực phẩm, mỹ phẩm, thức ăn chăn nuôi, thuốc phòng sâu bệnh, đặc biệt, là nguyên liệu chính để bào chế thuốc kháng virus cúm Tamiflu.

Tiêu thụ: đã xuất khẩu đi các thị trường Ấn Độ, Malaysia, Indonesia, Anh, Hoa Kỳ, Pháp, Nhật Bản, Đức, Dubai.

Cultivation area: *43,370 ha, accounting for around 70% of Viet Nam's total star anise growing area. Cultivated intensively in the communes of Yen Phuc, Tan Doan, Khanh Khe, Diem He, Thien Thuat, Binh Gia,...*

Harvested area: *28,000 ha under stable yield.*

Annual output of dried star anise: *12,000 - 14,000 tons.*

Characteristics: *Lang Son star anise has a high essential oil content and is free from toxins.*

Granted a Geographical Indication (GI) in 2007 for "Lang Son Star Anise and Essential Oil." It has been recognized among the Top 10 Best Natural Specialties of Viet Nam. Since 2020, its GI has been protected in the European Union (EU). In 2022, it was also supported for GI registration in Japan.

Processing: *sun-dried or mechanically dried, processed into essential oil, widely used in pharmaceuticals, food, cosmetics, animal feed, and pest control. Notably, it is the key ingredient in producing the antiviral drug Tamiflu.*

Consumption: *Exported to India, Malaysia, Indonesia, the United Kingdom, the United States, France, Japan, Germany, and Dubai.*

Rừng hồi xã Yên Phúc/ Star anise forest in Yen Phuc commune

2. CÂY QUẾ - *Cinnamon*

Diện tích trồng: Hơn 11.000ha. Trồng tập trung tại các xã: Tân Tiến, Đoàn Kết, Tràng Định, Tân Tri, Thiện Long, Quý Hòa, Hoa Thám.

Sản lượng vỏ quế: 1.000 - 1.200 tấn/năm.

Đặc trưng: Vỏ quế Lạng Sơn có mùi rất thơm, vị cay đặc biệt.

Chế biến: Vỏ quế khô, tinh dầu quế, nguyên liệu cho gia vị, dược liệu, chăm sóc sắc đẹp, thực phẩm chức năng; đồ thủ công mỹ nghệ,...

Tiêu thụ: Sản phẩm vỏ quế khô của tỉnh ngoài tiêu thụ nội địa còn được xuất khẩu đi các nước Trung Quốc, Ấn Độ, Hoa Kỳ, Bangladesh,...

Rừng quế xã Tân Tiến/ Cinnamon forest in Tan Tien commune

Cultivation area: *Over 11,000 ha. Cultivated intensively in the communes of Tan Tien, Doan Ket, Trang Dinh, Tan Tri, Thien Long, Quy Hoa, Hoa Tham.*

Output of cinnamon bark: *1,000 1,200 tons/year.*

Characteristics: *Lang Son cinnamon bark is highly aromatic and distinctively spicy.*

Processing: *Dried bark, essential oil, spice, herbal medicine, cosmetics and health supplements; handicrafts.*

Consumption: *In addition to domestic sales, the province's dried cinnamon bark is also exported to China, India, the United States, and Bangladesh.*

3. THẠCH ĐEN - *Black jelly*

Diện tích trồng: 1.021 ha. Trồng tập trung tại các xã: Tân Tiến, Tràng Định, Đoàn Kết, Quý Hoà, Hồng Phong, Thiện Hoà, Hội Hoan.

Sản lượng: 5.572 tấn.

Đặc trưng: Có mùi thơm đặc trưng và vị giòn, dai, tách nước ít; là một tân dược chống oxy hóa, giảm cholesterol trong máu, có tính mát, giúp mát gan, thanh nhiệt, nhuận tràng, trị cảm mạo, hỗ trợ người bị tiểu đường, ổn định huyết áp, chống lão hóa...

Chế biến - Tiêu thụ: 3 dạng chính là cây thạch đen khô xuất khẩu sang Trung Quốc, Thái Lan, Malaysia, Hàn Quốc...; Tinh bột thạch được liên kết sản xuất với đối tác Đài Loan (Trung Quốc); Thạch ăn liền chủ yếu tiêu thụ tại thị trường trong nước.

Nhà máy sản xuất thạch đen của Công ty TNHH Sản xuất và Đầu tư xuất nhập khẩu Đức Quý
The black jelly production factory of Duc Quy Manufacturing and Import–Export Investment Co., Ltd.

Cultivation area: *1,021 ha. Cultivated intensively communes of Tan Tien, Trang Dinh, Doan Ket, Quy Hoa, Hong Phong, Thien Hoa, Hoi Hoan.*

Output: *5,572 tons.*

Characteristics: *It has a distinctive aroma, a firm and chewy texture, and low water separation, serving as a medicinal herb with antioxidant properties that help reduce blood cholesterol. It has a cooling nature, supports liver detoxification, relieves internal heat, improves digestion, alleviates colds, supports diabetes treatment, stabilizes blood pressure, and slows down aging.*

Processing - Consumption: *Three main forms including dried black jelly plants exported in raw form to China, Thailand, Malaysia, and Republic of Korea; Jelly starch whose production in cooperation with a Taiwanese partner (China); Instant jelly serving domestic markets.*

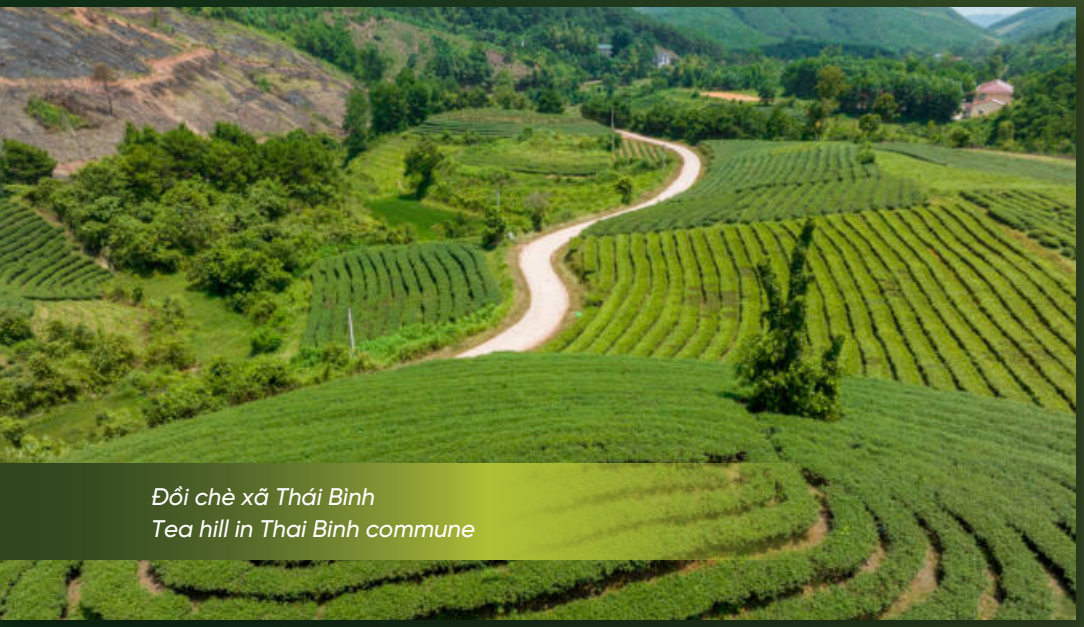

Đồi chè xã Thái Bình
Tea hill in Thai Binh commune

Hái chè Shan Tuyết trên đỉnh núi Mẫu Sơn
Harvesting Shan Tuyet Tea on Mau Son mountain

4. CÂY CHÈ - *Tea*

Diện tích trồng: 408 ha. Trồng tập trung tại các xã: Thái Bình, Đình Lập, Bình Gia.

Diện tích cho sản phẩm: 394 ha.

Sản lượng: 2.236 tấn.

Đặc trưng: Có mùi thơm mát tự nhiên của lá chè tươi, vị ngọt thanh, không gắt, tạo cảm giác dễ chịu khi thưởng thức.

Chế biến - Tiêu thụ: Được thu hái, chế biến thành sản phẩm chè khô phục vụ tiêu thụ nội địa, ngoài ra còn được xuất khẩu sang một số thị trường nước ngoài như Đài Loan (Trung Quốc), Nga, Trung Quốc.

Cultivation area: *408 ha. Cultivated intensively communes of Thai Binh, Dinh Lap, Binh Gia.*

Harvested area: *394 ha.*

Output: *2,236 tons.*

Characteristics: *Naturally fragrant with the fresh aroma of tea leaves, offering a mild sweetness without bitterness, bringing a pleasant and refreshing taste.*

Processing - Consumption: *Tea leaves are harvested and processed into dried tea products for domestic consumption. In addition, they are also exported to several foreign markets such as Taiwan (China), Russia, and China.*

Sản xuất chè tại xưởng sản xuất chè Đình Lập
Tea production at Dinh Lap tea factory

5. CÂY SỞ - *Camellia tree*

Diện tích trồng: Khoảng 1.700 ha. Trồng tập trung ở các xã, phường: Đông Kinh, Ba Sơn, Thiện Hòa, Thiện Thuật.

Diện tích cho thu hoạch: Trên 1.100 ha.

Sản lượng hạt Sở: 6.000 tấn/năm.

Chế biến - Tiêu thụ: Chủ yếu được thu hái quả và bán trực tiếp hoặc sơ chế, phơi, sấy khô hạt để tinh chế dầu sở. Trong đó, dầu sở là sản phẩm có giá trị cao.

Cultivation area: *Approximately 1,700 ha. Cultivated intensively communes/ wards of Dong Kinh, Ba Son, Thien Hoa, Thien Thuat.*

Harvested area: *Over 1,100 ha.*

Output of camellia seeds: *6,000 tons/year.*

Processing - Consumption: *Camellia fruits are mainly harvested and either sold directly or preliminarily processed by drying and roasting the seeds to refine camellia oil. Camellia oil is a high-value product.*

6. QUẢ HỒNG (HỒNG VÀNH KHUYÊN VÀ HỒNG KHÔNG HẠT BẢO LÂM)

Persimmon (including Vanh Khuyen persimmon and Bao Lam seedless persimmon)

Diện tích trồng: 2.189 ha. Trồng tập trung tại các xã: Hoàng Văn Thụ, Na Sầm, Đồng Đăng, Công Sơn.

Diện tích cho sản phẩm: 1.566 ha.

Sản lượng: 12.325 tấn.

Đặc trưng: Thịt quả màu vàng, giòn, vị ngọt.

Quả Hồng Bảo Lâm năm 2012 đã được cấp Bảo hộ Chỉ dẫn địa lý "Hồng Bảo Lâm Cao Lộc". Quả Hồng Vành Khuyên năm 2015 được cấp Bảo hộ Nhãn hiện tập thể "Quả Hồng Vành Khuyên Văn Lãng", được sản xuất theo tiêu chuẩn an toàn (VietGAP, GlobalGAP).

Tiêu thụ: Chủ yếu quả tươi được tiêu thụ tại thị trường trong tỉnh, Hà Nội và một số tỉnh lân cận.

Chế biến: Treo gió, sấy khô, sấy dẻo.

Cultivation area: *2,189 ha. Cultivated intensively communes of Hoang Van Thu, Na Sam, Dong Dang, Cong Son.*

Harvested area: *1,566 ha.*

Output: *12,325 tons.*

Characteristics: *The persimmon is golden, crisp, and sweet.*

In 2012, the Bao Lam persimmon was granted Geographical Indication Protection under the name "Bao Lam persimmon of Cao Loc". In 2015, the Vanh Khuyen persimmon received Collective Trademark Protection under the name "Vanh Khuyen Persimmon of Van Lang". And it is produced in compliance with safe agricultural standards such as VietGAP and GlobalGAP.

Consumption: *Mainly sold as fresh fruit for local markets within the province, Ha Noi, and some neighboring provinces.*

Processing: *Wind-dried, sun-dried, or soft-dried persimmons.*

Hồng không hạt Bảo Lâm/ Bao Lam seedless persimmon

Hồng treo gió/ Wind-dried persimmon

7. QUẢ NA - *Custard apple*

Diện tích trồng: 4.587,28 ha. Trồng tập trung tại các xã: Chi Lăng, Cai Kinh, Bằng Mạc, Vạn Linh, Hữu Lũng, Vân Nham.

Diện tích cho sản phẩm: 3.979 ha.

Sản lượng: 41.116 tấn.

Đặc trưng: Quả na to đều, vỏ mỏng mềm, mắt nở và phẳng, da căng mịn, kẽ mắt trắng hồng, cùi dày, ít hạt, ngọt thanh, thơm đặc trưng, để được lâu, không dễ nát, dễ bóc vỏ, khi ăn có cảm giác các múi dai.

Tiêu thụ: Chủ yếu quả tươi được tiêu thụ tại thị trường trong tỉnh và một số tỉnh lân cận. Hiện đang đẩy mạnh tiêu thụ qua các kênh bán hàng online, sàn thương mại điện tử.

Vận chuyển na bằng ròng rọc
Transporting custard apple by pulley

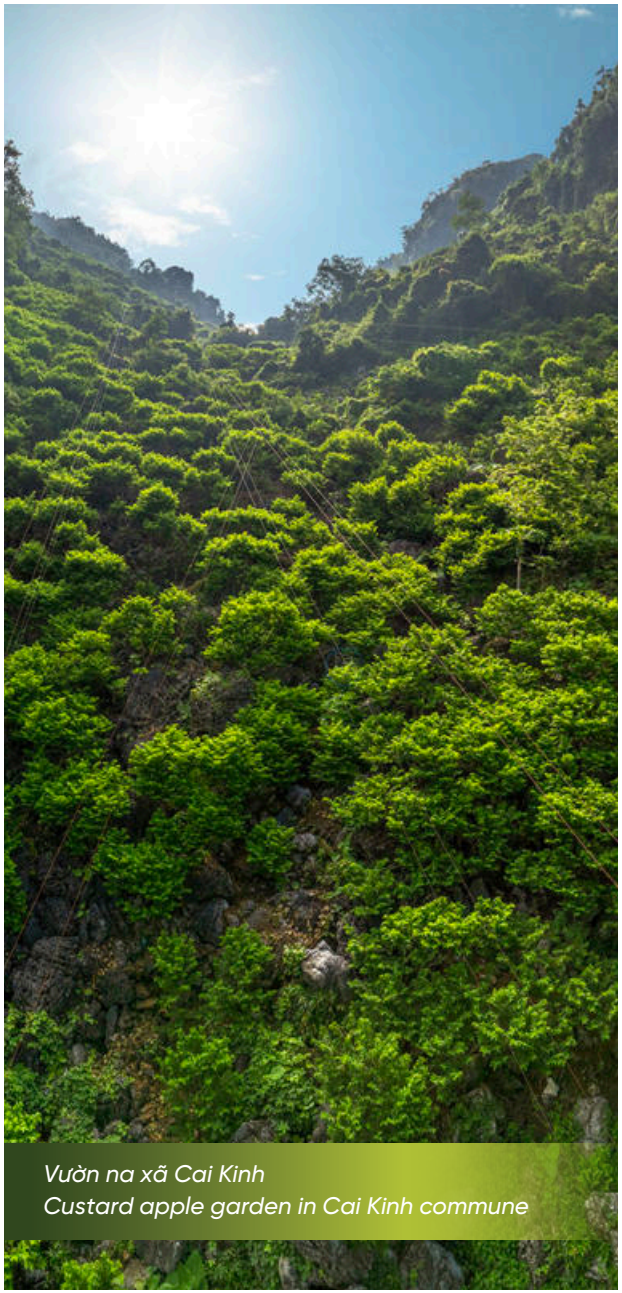

Vườn na xã Cai Kinh
Custard apple garden in Cai Kinh commune

Cultivation area: *4,587.28 ha. Cultivated intensively communes of Chi Lang, Cai Kinh, Bang Mac, Van Linh, Huu Lung, Van Nham.*

Harvested area: *3,979 ha.*

Output: *41,116 tons.*

Characteristics: *The custard apples are large and equal in size, with thin and soft skin. The segments are wide and flat, the skin is smooth and firm, and the gaps between segments are pinkish-white. The flesh is thick with few seeds, mildly sweet, and pleasantly fragrant. The fruit has good shelf life, is not easily bruised, easy to peel, and offers a pleasantly chewy texture when eaten.*

Consumption: *Mainly sold as fresh fruit for local markets within the province and some neighboring provinces. Currently, consumption is being promoted through online sales channels and e-commerce platforms.*

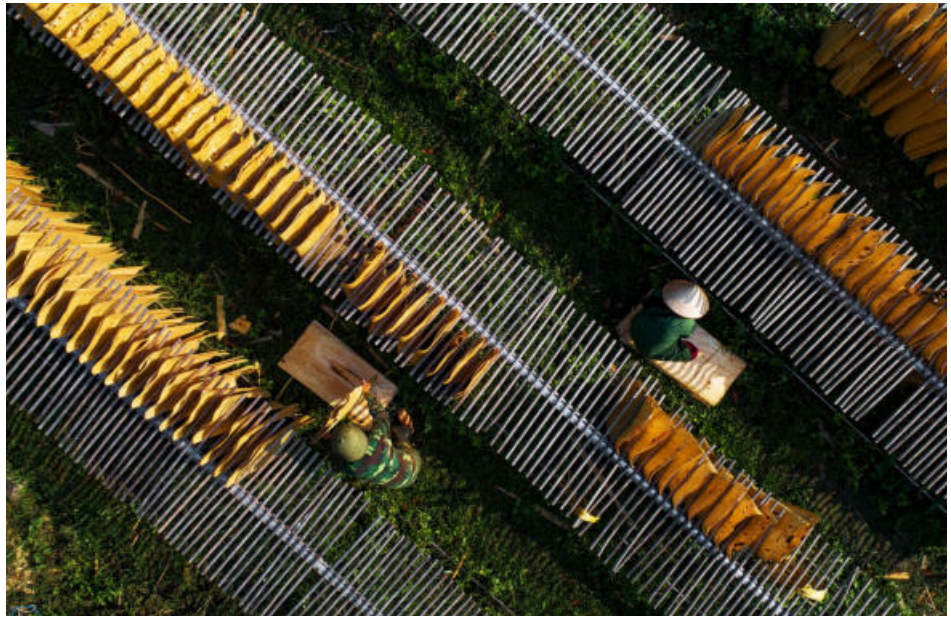

Rừng keo xã Châu Sơn
Acacia forest in Chau Son commune

8. CÂY KEO - *Acacia tree*

Diện tích trồng: Khoảng 39.000 ha. Trồng tập trung tại các xã: Tân Thành, Tuấn Sơn, Vân Nham, Quan Sơn, Nhân Lý, Chi Lăng, Lợi Bác,...

Năng suất gỗ keo: Bình quân khoảng 80-100 m^3/ha.

Sản lượng gỗ keo: Khoảng 130.000 m^3.

Chế biến – Tiêu thụ: Gỗ keo được sử dụng để sản xuất ván lạng, gỗ ván bóc, ván ép, đồ thủ công mỹ nghệ,... phục vụ thị trường nội địa và xuất khẩu.

Cultivation area: *Approximately 39,000 ha. Cultivated intensively communes of Tan Thanh, Tuan Son, Van Nham, Quan Son, Nhan Ly, Chi Lang, Loi Bac,...*

Average wood yield: *About 80–100 m^3/ha.*

Output of acacia wood: *Around 130,000 m^3.*

Processing – Consumption: *Acacia wood is used for producing veneer, plywood, and handicraft products, serving both domestic and export markets.*

9. CÂY BẠCH ĐÀN - *Eucalyptus tree*

Diện tích trồng: 29.700 ha. Trồng tập trung tại các xã: Tân Thành, Tuấn Sơn, Vân Nham, Thiện Tân, Quan Sơn, Nhân Lý, Chi Lăng...

Năng suất gỗ bạch đàn: Khoảng 80-100 m^3/ha.

Sản lượng khai thác: 152.700 m^3.

Đặc trưng: Cây bạch đàn có ưu điểm là lớn nhanh, chỉ trong chu kỳ từ 5 – 6 năm đã có thể khai thác, giá thành cao, đầu ra ổn định.

Chế biến - Tiêu thụ: Gỗ bạch đàn cũng được sử dụng để sản xuất ván lạng, gỗ ván bóc, là nguyên liệu sản xuất ván ép, đồ thủ công mỹ nghệ,... phục vụ thị trường nội địa và xuất khẩu.

Cultivation area: *29,700 ha. Cultivated intensively communes of Tan Thanh, Tuan Son, Van Nham, Thien Tan, Quan Son, Nhan Ly, Chi Lang...*

Average wood yield: *About 80–100 m^3/ha.*

Exploited output: *152,700 m^3.*

Characteristics: *Eucalyptus trees have the advantage of fast growth, with a harvesting cycle of only 5 – 6 years, high economic value, and stable market demand.*

Processing - Consumption: *Eucalyptus wood is used for producing veneer, plywood, and handicraft products, serving both domestic and export markets.*

Rừng bạch đàn xã Quan Sơn
Eucalyptus forest in Quan Son commune

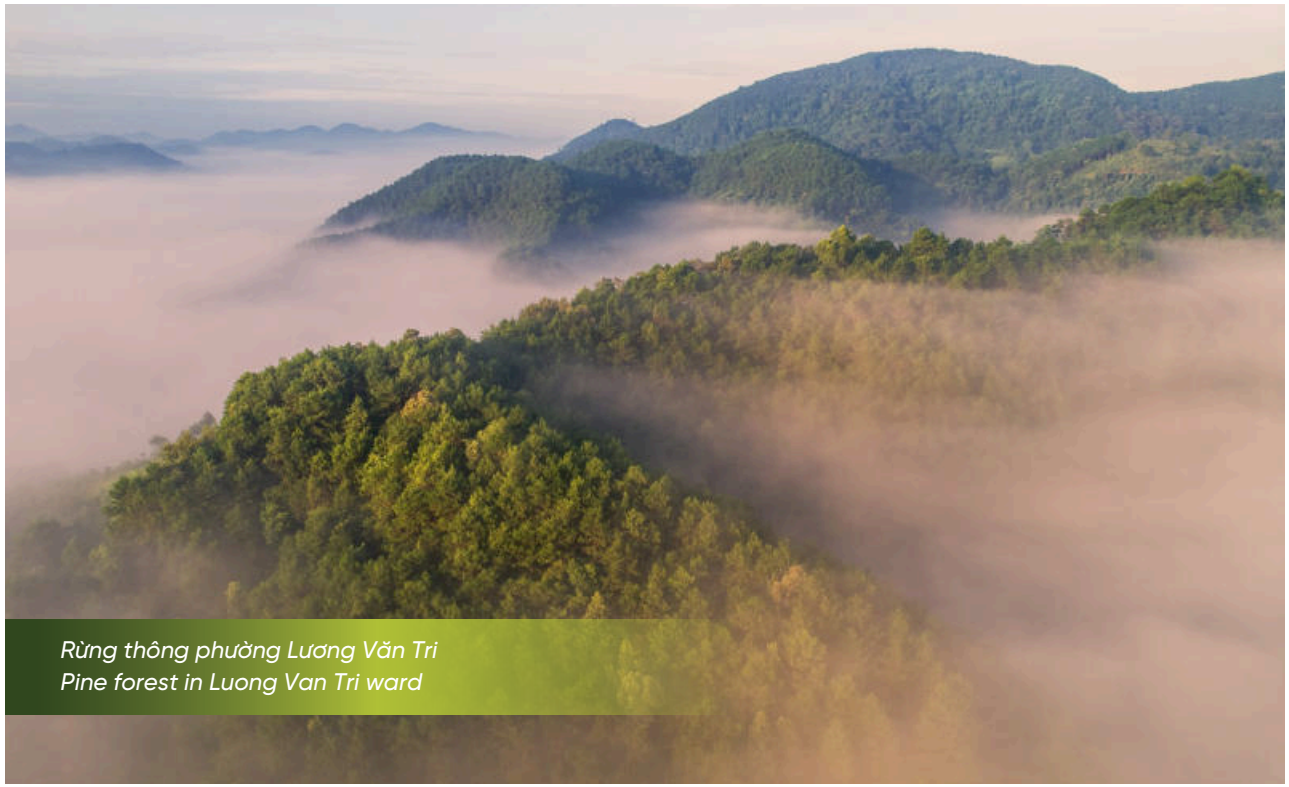

Rừng thông phường Lương Văn Tri
Pine forest in Luong Van Tri ward

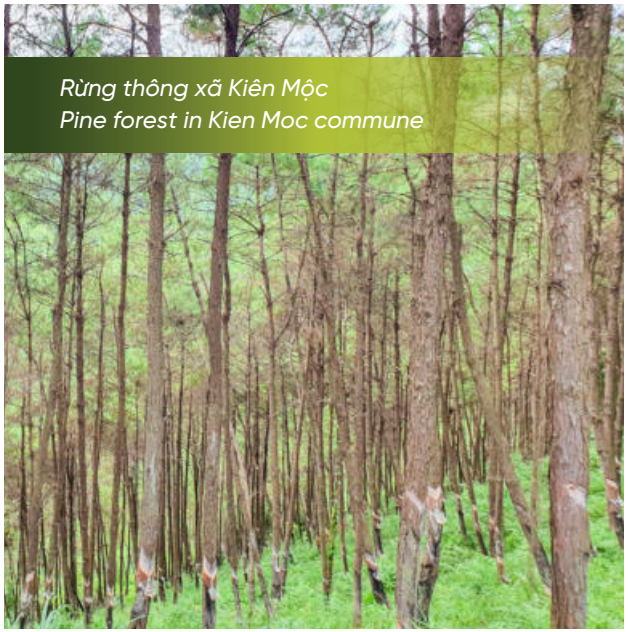

Rừng thông xã Kiên Mộc
Pine forest in Kien Moc commune

Sản phẩm nhựa thông tinh chế
Refined pine resin

10. CÂY THÔNG - *Pine tree*

Diện tích trồng: 109.300 ha. Trồng tập trung tại các xã: Đình Lập, Kiên Mộc, Xuân Dương, Thống Nhất, Lợi Bác, Mẫu Sơn.

Năng suất gỗ thông bình quân: 100 - 120 m^3/ha.

Sản lượng nhựa thông: 40.000 - 45.000 tấn/năm.

Chế biến - tiêu thụ: Cây thông cho khai thác lấy gỗ và nhựa. Nhựa thông được tinh chế thành colophan (chiếm khoảng 70 - 80%) và tinh dầu thông (khoảng 10%). Hằng năm, trung bình 20.000 - 25.000 tấn sản phẩm colophan, 3 - 3,5 tấn tinh dầu thông đạt tiêu chuẩn kỹ thuật được xuất khẩu sang thị trường nước ngoài như Trung Quốc, Hàn Quốc, Nhật Bản, Ấn Độ.

Cultivation area: *109,300 ha. Concentrated cultivation in the communes of Dinh Lap, Kien Moc, Xuan Duong, Thong Nhat, Loi Bac, Mau Son.*

Average wood yield: *100 - 120 m^3/ha.*

Output of pine resin: *40,000 - 45,000 tons/year.*

Processing - Consumption: *Pine trees are harvested for both wood and resin. Pine resin is refined into colophony (accounting for about 70 - 80%) and turpentine oil (around 10%). Annually, an average of 20,000 - 25,000 tons of colophony and 3 - 3.5 tons of turpentine oil meeting standards are exported to markets such as China, Republic of Korea, Japan, and India.*

Phần III - PART III

CHÍNH SÁCH ƯU ĐÃI ĐẦU TƯ NGÀNH NÔNG, LÂM NGHIỆP

Preferential investment policies for agro-forestry sector

CHÍNH SÁCH CHUNG
GENERAL POLICIES

Chính sách chung theo quy định của pháp luật Việt Nam:

- **Ưu đãi đất đai:** Miễn, giảm tiền thuê đất theo Luật Đất đai và Nghị định số 103/2024/NĐ-CP.

General policies under the regulations of Vietnamese law:

- *Land Incentives: Exemption and reduction of land rent in accordance with the Land Law and Decree No. 103/2024/NĐ-CP.*

Cơ chế thưởng cho các chủ thể tham gia Chương trình OCOP có sản phẩm được đánh giá, phân hạng sản phẩm:

a) **Sản phẩm đạt hạng 5 sao:** Thưởng 20 triệu đồng/sản phẩm.

b) **Sản phẩm đạt hạng 4 sao:** Thưởng 10 triệu đồng/sản phẩm.

c) **Sản phẩm đạt hạng 3 sao:** Thưởng 05 triệu đồng/sản phẩm.

Mechanism for rewarding entities participating in the OCOP Program with products evaluated and ranked:

*a) **Products rated 5 stars:** A reward of 20 million VND per product.*

*b) **Products rated 4 stars:** A reward of 10 million VND per product.*

*c) **Products rated 3 stars:** A reward of 5 million VND per product.*

OCOP
ONE COMMUNE ONE PRODUCT OF VIETNAM

CHÍNH SÁCH ĐẶC THÙ
SPECIFIC POLICIES

Một số chính sách đặc thù khuyến khích đầu tư, phát triển hợp tác, liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn giai đoạn 2020-2025:

- Hỗ trợ lãi suất tín dụng.
- Hỗ trợ 100% lãi suất trong hạn mức vốn vay các ngân hàng cho Nhà đầu tư có dự án đầu tư trong danh mục dự án nông nghiệp đặc biệt ưu đãi đầu tư, mức hỗ trợ tối đa không quá 05 tỷ đồng/dự án.
- Hỗ trợ 50% lãi suất trong hạn mức vốn vay các ngân hàng cho Nhà đầu tư có dự án đầu tư trong danh mục dự án nông nghiệp ưu đãi đầu tư, mức hỗ trợ tối đa không quá 03 tỷ đồng/dự án.
- Thời gian hỗ trợ lãi suất tính từ ngày bắt đầu giải ngân vốn vay theo hợp đồng tín dụng với ngân hàng, đồng thời căn cứ vào thời hạn hợp đồng tín dụng giữa khách hàng và ngân hàng nhưng tối đa không quá 05 năm đối với dự án chăn nuôi gia súc, gia cầm; Không quá 07 năm đối với dự án trồng cây lâm nghiệp kinh doanh lấy gỗ nguyên liệu; Không quá 10 năm đối với dự án trồng cây ăn quả, cây đặc sản; Không quá 12 năm đối với dự án trồng cây gỗ lớn; Không quá 03 năm đối với dự án đầu tư vào nông nghiệp khác.
- Hạn mức vay vốn được hỗ trợ lãi suất: Tối đa không quá 70% tổng mức đầu tư của dự án.

Specific policies to encourage investment, promote cooperation, and foster linkages in agricultural and rural production and product consumption in Lang Son province for the period 2020–2025:

- *Credit interest rate support.*
- *100% interest rate support within the loan limit from banks for investors with projects included in the list of agricultural projects eligible for special investment incentives. The maximum support level shall not exceed 5 billion VND per project.*
- *50% interest rate support within the loan limit from banks for investors with projects included in the list of agricultural projects eligible for investment incentives. The maximum support level shall not exceed 3 billion VND per project.*
- *The interest rate support duration shall be counted from the date of loan disbursement under the credit contract with the bank, based on the term of the credit contract between the customer and the bank, but not exceeding 05 years for livestock and poultry breeding projects; Not exceeding 07 years for afforestation projects for timber production; Not exceeding 10 years for fruit tree and specialty crop cultivation projects; Not exceeding 12 years for large timber plantation projects; And not exceeding 03 years for other agricultural investment projects.*
- *Loan limit eligible for interest rate support: up to 70% of the total investment capital of the project.*

ĐIỀU KIỆN HỖ TRỢ / *CONDITIONS FOR SUPPORT*

+ Dự án có hạn mức vốn vay ngân hàng từ 200 triệu đồng trở lên.
The project must have a bank loan limit of at least 200 million VND.

+ Sử dụng vốn đúng mục đích và trả nợ gốc, lãi theo đúng thỏa thuận với tổ chức tín dụng.
Loan capital must be used for the intended purposes and both principal and interest must be repaid in accordance with agreements with the credit institution.

+ Dự án đề nghị được hỗ trợ là dự án chưa được hỗ trợ lãi suất từ các chính sách khác.
The project applying for support must not have previously received interest rate support from other policies.

HỖ TRỢ NÔNG NGHIỆP ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ CAO, SẢN XUẤT SẢN PHẨM MỚI CÓ GIÁ TRỊ KINH TẾ CAO, SẢN XUẤT HÀNG HÓA TẬP TRUNG

Support for high-tech agricultural applications, production of new products with high economic value, and concentrated commodity production

Mức hỗ trợ:

- Nhà đầu tư có dự án nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao (theo Quyết định số 738/QĐ-BNN-KHCN ngày 14/3/2017 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường về tiêu chí xác định chương trình, dự án nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp sạch, danh mục công nghệ cao ứng dụng trong nông nghiệp) được hỗ trợ 300 triệu đồng/ha để xây dựng cơ sở hạ tầng, thiết bị và xử lý môi trường, nhưng không quá 02 tỷ đồng/dự án.
- Nhà đầu tư có dự án sản xuất giống cây trồng, giống vật nuôi, trồng thử nghiệm cây trồng mới có giá trị kinh tế cao (theo các quyết định công nhận giống cây trồng, vật nuôi mới hằng năm của Bộ Nông nghiệp và Môi trường), khi đưa vào sản xuất trong cùng điều kiện sản xuất mà có năng suất, chất lượng cao, mang lại thu nhập cao hơn so với cây trồng, vật nuôi khác trên cùng địa bàn được hỗ trợ 70% kinh phí đầu tư, nhưng không quá 03 tỷ đồng/dự án, để xây dựng cơ sở hạ tầng, thiết bị và xử lý môi trường.
- Nhà đầu tư có dự án đầu tư sản xuất hàng hóa tập trung thuộc dự án nông nghiệp đặc biệt ưu đãi đầu tư được hỗ trợ 50% tổng vốn đầu tư nhưng không quá 05 tỷ đồng/dự án; Thuộc dự án nông nghiệp ưu đãi đầu tư được hỗ trợ 40% tổng vốn đầu tư nhưng không quá 03 tỷ đồng/dự án để xây dựng cơ sở hạ tầng, thiết bị và xử lý môi trường.

Support level:

- *Investors with high-tech agricultural projects (pursuant to Decision No.738 /QD-BNN-KHCN dated March 14, 2017 of the Ministry of Agriculture and Environment on criteria for identifying programs, projects of high-tech agriculture, clean agriculture, and the list of high technologies applied in agriculture) shall be supported with 300 million VND/ha for infrastructure development, equipment, and environmental treatment, but not exceeding 2 billion VND/project.*
- *Investors with projects on production of plant varieties, animal breeds, or piloting the cultivation of new, high-economic-value plant varieties (according to the annual decisions on recognition of new plant and animal varieties issued by the Ministry of Agriculture and Environment), who achieve higher yield, quality, and income under identical production conditions compared to other plants or animals in the same locality, shall be eligible for financial support equal to 70% of the total investment cost, not exceeding 3 billion VND per project, for infrastructure development, equipment procurement, and environmental treatment.*
- *Investors with projects on concentrated commodity production that fall under the category of agricultural projects eligible for special investment incentives shall be supported with 50% of the total investment capital but not exceeding 5 billion VND/project; Those falling under the category of agricultural projects eligible for investment incentives shall be supported with 40% of the total investment capital but not exceeding 3 billion VND/project, for infrastructure development, equipment, and environmental treatment.*

Ứng dụng công nghệ cao/ High-tech application

300 TRIỆU/HA

300 MILLION VND/HA

TỐI ĐA 2 TỶ/UP TO 2 BILLION VND

Sản xuất giống mới/ New variety production

70% KINH PHÍ

70% OF TOTAL COST

TỐI ĐA 3 TỶ/UP TO 3 BILLION VND

Đặc biệt ưu đãi/ Special incentives

50% VỐN

50% OF CAPITAL

TỐI ĐA 5 TỶ/UP TO 5 BILLION VND

Hàng hóa tập trung/ Concentrated production

40% VỐN

40% OF CAPITAL

TỐI ĐA 3 TỶ/UP TO 3 BILLION VND

Điều kiện hỗ trợ:

- Vườn ươm sản xuất giống cây trồng có quy mô từ 1 triệu cây/năm trở lên; vườn ươm giống cây bằng công nghệ nuôi cấy mô tập trung từ 500 nghìn cây/năm trở lên; vườn ươm cây dược liệu từ 1.000 m^2 trở lên.
- Dự án trồng cây hằng năm từ 02 ha trở lên, nếu trồng trong nhà kính, nhà màng, nhà lưới có quy mô từ 1.000 m2 trở lên; cây công nghiệp dài ngày, cây lâu năm, trồng rừng các loại cây nhóm I, nhóm II, cây gỗ lớn từ 03 ha trở lên; trồng rừng sản xuất từ 05 ha trở lên; trồng cây dược liệu từ 01 ha trở lên.
- Nhà máy sản xuất gỗ MDF; nhà máy chế biến ván dăm, tre ép công nghiệp có quy mô trên 10.000 m^3/năm trở lên. Thiết bị được sản xuất tại các nước phát triển; trường hợp sản xuất tại các nước đang phát triển thì thiết bị phải mới 100%; Nhà đầu tư phải sử dụng tối thiểu 50% nguyên liệu tại địa phương.

SẢN XUẤT CÂY TRỒNG VÀ DƯỢC LIỆU - CROP AND MEDICINAL PLANT PRODUCTION	
Vườn ươm cây giống/ *Seedling nursery*	1 triệu cây/năm trở lên - *1 million plants/year or more*
Vườn ươm cấy mô/ *Tissue culture nursery*	500.000 cây/năm trở lên *500,000 plants/year or more*
Vườn ươm dược liệu/ *Medicinal plant nursery*	1.000 m^2 trở lên - *1,000 m2 or more*
Cây hằng năm (Lộ thiên)/ *Annual crops (Open field)*	02 ha trở lên - *02 ha or more*
Cây hằng năm (Nhà kính, màng, lưới)/ *Annual crops (Greenhouse, membrane, net house)*	1.000 m^2 trở lên - *1,000 m2 or more*
Cây công nghiệp, lâu năm, trồng rừng cây nhóm I, II, gỗ lớn/ *Industrial and perennial trees, group I & II forest trees, large timber*	03 ha trở lên - *03 ha or more*
Trồng rừng sản xuất/ *Production forest planting*	05 ha trở lên - *05 ha or more*
Trồng cây dược diệu/ *Medicinal Plant Cultivation*	01 ha trở lên - *01 ha or more*

CHẾ BIẾN GỖ VÀ VẬT LIỆU - WOOD & MATERIALS PROCESSING	
Nhà máy Sản xuất Gỗ MDF/ Chế Biến Ván Dầm, Tre Ép *MDF Wood Manufacturing Plant / Laminated Board & Bamboo Processing*	• Thiết bị phải được sản xuất tại các nước phát triển hoặc các nước đang phát triển *(mới 100%)*. • Nhà đầu tư phải sử dụng tối thiểu 50% nguyên liệu tại địa phương. • *Equipment must be newly manufactured (100%) in developed or developing countries.* • *Investors must use at least 50% locally sourced materials.*

Conditions for support:

- *Nurseries producing plant seedlings with a scale of 1 million seedlings/year or more; nurseries using tissue culture technology with a scale of 500 thousand seedlings/year or more; medicinal plant nurseries with an area of 1,000 m^2 or more.*
- *Projects involving the cultivation of annual crops on an area of 2 hectares or more, if planted in greenhouse, membrane-house, or net-house cultivation with a scale of 1,000 square meters or more; long-day industrial crops, perennial crops, or afforestation of tree groups I and II or large-timber species on an area of 3 hectares or more; production-forest planting on an area of 5 hectares or more; and medicinal-plant cultivation on an area of 1 hectare or more.*
- *MDF wood production plants; particle board processing plants, industrial laminated bamboo factories with a capacity of over 10,000 m^3/year. Equipment must be manufactured in developed countries; in the case of equipment manufactured in developing countries, it must be 100% new. Investors must use at least 50% of raw materials from local sources.*

HỖ TRỢ ĐẦU TƯ CƠ SỞ: BẢO QUẢN, CHẾ BIẾN NÔNG LÂM SẢN

Support for Investment in facilities: preservation, processing of agricultural and forestry products

Hỗ trợ cơ sở chế biến nông sản:

- Hỗ trợ 60% chi phí đầu tư cơ sở chế biến nông sản, nhưng không quá 05 tỷ đồng/dự án để xây dựng cơ sở hạ tầng về xử lý chất thải, giao thông, điện, nước, nhà xưởng và mua thiết bị trong hàng rào dự án.
- Các dự án đầu tư chế biến nông sản phải bảo đảm các điều kiện giá trị sản phẩm sau chế biến tăng ít nhất 1,5 lần so với giá trị nguyên liệu thô ban đầu (căn cứ theo giá thị trường tại thời điểm nghiệm thu dự án) và công suất thiết kế của dây chuyền, thiết bị, máy móc chế biến nông sản tối thiểu đạt 03 tấn/ngày.

Support for agricultural product processing facilities:

- *Investors shall be entitled to support equivalent to 60% of investment costs for agricultural product processing facilities, with the maximum support not exceeding 5 billion VND per project, for the construction of infrastructure related to waste treatment, transportation, electricity, water supply, workshops, and the purchase of equipment within the project premises.*
- *Investment projects on agricultural product processing must ensure that the value of products after processing increases by at least 1.5 times compared to the value of the original raw materials (based on market prices at the time of project acceptance) and the designed capacity of the processing lines, equipment, and machinery reaches a minimum of 3 tons per day.*

01 Hỗ trợ đầu tư/ *Investment support*

60% CHI PHÍ/ *60% OF COSTS*

(Tối đa 5 tỷ đồng/dự án) - (Up to 5 billion VND per project)

02 Chế biến nông sản/*Agricultural processing*

≥ 1,5 LẦN Tăng giá trị sản phẩm *Value-added increase*

HỖ TRỢ BẢO QUẢN NÔNG SẢN

Support for agricultural product preservation

Thông tin chi tiết gói hỗ trợ:

- Hỗ trợ 70% chi phí đầu tư cơ sở bảo quản nông sản, nhưng không quá 02 tỷ đồng/dự án để xây dựng cơ sở hạ tầng về giao thông, điện, nước, xử lý chất thải, nhà xưởng và mua thiết bị.
- Điều kiện hỗ trợ: Công suất cơ sở sấy nông, lâm sản phải đạt tối thiểu 30 tấn sản phẩm/lượt; bảo quản rau, củ, hoa quả tươi, chè, hồi, thuốc lá, các loại nông sản khác đạt 200 tấn khô/lượt; bảo quản, lưu trữ giống cây trồng đạt công suất 30 tấn khô/lượt.

Support package details:

- *Investors shall be entitled to support equivalent to 70% of investment costs for agricultural product preservation facilities, with the maximum support not exceeding 2 billion VND per project, for the construction of infrastructure related to transportation, electricity, water supply, waste treatment, workshops, and the purchase of equipment.*
- *Conditions for support: Agricultural and forestry product drying facilities shall have a minimum capacity of 30 tons per batch; facilities for the preservation of fresh vegetables, fruits, tea, anise, tobacco, and other agricultural products shall have a minimum capacity of 200 tons of dry output per batch; seed preservation and storage facilities shall have a minimum capacity of 30 tons of dry output per batch.*

HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN THƯƠNG HIỆU, MỞ RỘNG THỊ TRƯỜNG

Support for brand development and market expansion

Thông tin chi tiết gói hỗ trợ:

- Hỗ trợ một lần 100% kinh phí để xây dựng hệ thống truy xuất nguồn gốc sản phẩm, nhưng tối đa không quá 20 triệu đồng/tổ chức, cá nhân.
- Hỗ trợ một lần 100% kinh phí xây dựng nhãn hiệu sản phẩm; nhãn hiệu sản phẩm được đăng ký bảo hộ tại Cục sở hữu trí tuệ; cơ sở được công nhận nhãn hiệu, nhưng không quá 100 triệu đồng/cơ sở .
- Hỗ trợ một lần 100% kinh phí thực hiện chứng nhận sản phẩm đạt tiêu chuẩn VietGAP và GlobalGAP, Organic, nhưng không quá 25 triệu đồng/mô hình.
- Hỗ trợ 100% kinh phí, nhưng không quá 30 triệu đồng/sản phẩm để tổ chức các hoạt động tuyên truyền, quảng bá sản phẩm nông sản trên phương tiện thông tin đại chúng.
- Hỗ trợ 50% kinh phí tham gia triển lãm hội chợ trong nước, ngoài nước được cấp có thẩm quyền phê duyệt, nhưng không quá 50 triệu đồng/tổ chức, cá nhân/01 năm.
- Hỗ trợ 100% kinh phí, trong vòng 02 năm, nhưng không quá 50 triệu đồng/tổ chức, cá nhân để thuê địa điểm bán sản phẩm trong nước áp dụng quy trình sản xuất nông nghiệp tốt hoặc áp dụng các tiêu chuẩn tương tự, nông nghiệp hữu cơ.

Support package details:

- *One-time support of 100% of expenses for establishing product traceability systems, not exceeding 20 million VND per organization or individual.*
- *One-time support of 100% of expenses for building product trademarks; trademarks must be registered and protected at the Intellectual Property Office of Vietnam, and recognized accordingly, with support not exceeding 100 million VND per facility.*
- *One-time support of 100% of expenses for product certification under VietGAP, GlobalGAP, or Organic standards, not exceeding 25 million VND per model.*
- *Support of 100% of expenses, not exceeding 30 million VND per product, for organizing communication and promotion activities of agricultural products via mass media.*
- *Support of 50% of expenses for participation in domestic and international exhibitions and fairs approved by competent authorities, not exceeding 50 million VND per organization or individual per year.*
- *Support of 100% of expenses, within a maximum of 02 years, not exceeding 50 million VND per organization or individual, for renting domestic sales locations for products produced under Good Agricultural Practices (GAP) or equivalent standards, or under organic agriculture standards.*

Phiên chợ nông sản, đặc sản vùng miền: Tuần lễ quảng bá na, nông đặc sản tỉnh Lạng Sơn 2024
Regional agricultural product and specialty fair: Lang Son Provincial Custard Apple, Specialty, Agricultural Product Promotion Week in 2024

Khu trưng bày các sản phẩm tỉnh Lạng Sơn, Việt Nam tại Hội chợ nông sản Quốc tế Marfrut 2024 tại Italia
Exhibition area of products from Lang Son, Viet Nam at the Marfrut 2024 International Agricultural Fair in Italy

Phiên chợ nông sản, đặc sản vùng miền với chủ đề Tuần lễ quảng bá na, nông đặc sản và sản phẩm OCOP tỉnh Lạng Sơn năm 2023
Regional agricultural product and specialty fair with the theme "Lang Son Provincial Custard Apple Specialty, Agricultural Product and OCOP Product Promotion Week 2023"

HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN HỢP TÁC, LIÊN KẾT TRONG SẢN XUẤT VÀ TIÊU THỤ SẢN PHẨM NÔNG NGHIỆP

Support for the development of cooperation and linkages in agricultural production and product consumption

Các bên tham gia liên kết theo hình thức quy định tại Điều 4 Nghị định số 98/2018/NĐ-CP, ngoài được hưởng các chính sách quy định tại các điều 6, 7, 8, 9 tại Nghị quyết này được ngân sách nhà nước hỗ trợ để thực hiện các nội dung sau:

- Chủ trì liên kết được ngân sách nhà nước hỗ trợ 100% chi phí tư vấn xây dựng liên kết nhưng tối đa không quá 300 triệu đồng/dự án, bao gồm: Tư vấn lập hồ sơ dự án; tư vấn lập hồ sơ đề nghị hưởng hỗ trợ đầu tư; tư vấn lập hồ sơ xây dựng hợp đồng liên kết, dự án liên kết, phương án, kế hoạch sản xuất kinh doanh, phát triển thị trường.
- Hỗ trợ 100% chi phí mua bao bì, nhãn mác sản phẩm nhưng không quá 03 vụ hoặc 03 chu kỳ sản xuất, khai thác sản phẩm thông qua các dịch vụ tập trung của Hợp tác xã, mức hỗ trợ không quá 100 triệu đồng/sản phẩm.

Parties participating in linkages under the forms stipulated in Article 4 of Decree No. 98/2018/ND-CP, in addition to enjoying the policies provided in Articles 6, 7, 8, and 9 of this Resolution, shall also be supported by the State budget to implement the following contents:

- *The lead party in the linkage shall be entitled to 100% State budget support for consultancy expenses for building the linkage, with the maximum support not exceeding 300 million VND per project. This includes: consultancy for project proposal preparation; consultancy for preparing dossiers to apply for investment support; consultancy for preparing linkage contract dossiers, linkage project dossiers, business production plans, and market development plans.*
- *100% support for expenses of purchasing packaging and product labels, but not exceeding 03 crop seasons or 03 production/exploitation cycles through cooperative-based collective services, with the maximum support not exceeding 100 million VND per product.*

100% CHI PHÍ/ ***CONSULTING FEES***

Tư vấn Xây dựng Liên kết *Linkage Setup*	**Khai thác Sản phẩm** *Product Exploitation*
300 Triệu đồng/dự án *300 Million VND/project*	**100 Triệu đồng/sản phẩm** *100 Million VND/product*

Hợp tác xã rau củ quả sạch Tân Liên - Gia Cát
Tan Lien - Gia Cat Clean Vegetable and Fruit Cooperative

HỖ TRỢ THÀNH LẬP MỚI VÀ ĐƯA TRÍ THỨC TRẺ VỀ LÀM VIỆC TẠI HỢP TÁC XÃ HOẠT ĐỘNG TRONG LĨNH VỰC NÔNG NGHIỆP

Support for the establishment of new agricultural cooperatives and for attracting young intellectuals to work in cooperatives

Thông tin chi tiết gói hỗ trợ:

- Hợp tác xã nông nghiệp thành lập mới được hỗ trợ 20 triệu đồng để xây dựng điều lệ, phương án sản xuất kinh doanh, hồ sơ thành lập tổ chức hoạt động của Hợp tác xã và các hoạt động khác.
- *Hỗ trợ đưa trí thức trẻ về làm việc có thời hạn tại hợp tác xã:*

  Mỗi hợp tác xã được hỗ trợ 01 (một) lần kinh phí để thuê lao động là trí thức trẻ có trình độ đào tạo từ cao đẳng trở lên về làm việc tại hợp tác xã; Mức hỗ trợ hằng tháng bằng 1,5 lần mức lương tối thiểu vùng/người tại địa bàn trí thức trẻ làm việc; Số lượng tối đa 02 lao động/01 hợp tác xã; Thời gian hỗ trợ tối đa 03 năm.

Điều kiện hỗ trợ:

- Hợp tác xã hoạt động theo Luật Hợp tác xã năm 2023; Hàng năm được cơ quan có thẩm quyền đánh giá duy trì hoạt động sản xuất kinh doanh thường xuyên.
- Lao động tuyển dụng theo Điểm a, Khoản 2, Điều này có trình độ cao đẳng trở lên, chuyên ngành phù hợp với lĩnh vực hoạt động và nhu cầu tuyển dụng của Hợp tác xã; có hợp đồng lao động theo quy định của Bộ Luật Lao động.

Support package details:

- *Newly established agricultural cooperatives shall be entitled to support of 20 million VND for developing charters, business and production plans, establishment dossiers, and other related activities.*
- *Support for bringing young intellectuals to work in cooperatives on a fixed-term basis:*

  Each cooperative shall receive a one-time financial support package to hire young intellectuals with qualifications from college level or higher to work at the cooperative; The monthly support level shall equal 1.5 times the regional minimum wage per person applicable to the area where the young intellectual works; Each cooperative may employ up to 02 such workers; And the maximum support period shall be 03 years.

Conditions for support:

- *The cooperative must operate under the Law on Cooperatives 2023 and be annually evaluated by competent authorities as maintaining regular production and business activities.*
- *The recruited employee under Point a, Clause 2 of this Article must hold a college degree or higher, with a major relevant to the field of operation and recruitment needs of the cooperative; and must have a labor contract in accordance with the provisions of the Labor Code.*

HỖ TRỢ ĐẦU TƯ KẾT CẤU HẠ TẦNG NGOÀI HÀNG RÀO DỰ ÁN

Support for investment in off-site infrastructure

Nhà đầu tư có dự án đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn theo quy định của Nghị quyết 08/2019/NQ-HĐND của HĐND tỉnh Lạng Sơn ngày 10/12/2019 về Chính sách đặc thù khuyến khích đầu tư phát triển hợp tác, liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn giai đoạn 2020-2025. Nếu bên ngoài hàng rào dự án chưa có đường giao thông, hệ thống điện, cấp thoát nước để phục vụ dự án thì được hỗ trợ bổ sung 70% chi phí, nhưng tối đa không quá mức hỗ trợ theo quy định sau:

Investors with agricultural and rural investment projects as stipulated under Resolution No. 08/2019/NQ-HĐND of the People's Council of Lang Son province dated December 10, 2019, on specific policies to encourage investment in the development of cooperation and linkage in the production and consumption of agricultural and rural products in Lang Son province for the 2020-2025 period. In cases where there is no available transportation, electricity supply, or water supply and drainage system outside the project premises to serve the project, shall be entitled to additional support equivalent to 70% of the costs, but not exceeding the maximum support level as prescribed below:

Tổng vốn đầu tư dự án (không bao gồm chi phí bồi thường, giải phóng mặt bằng) *Total investment capital of the project (excluding compensation and site clearance costs)*	Mức hỗ trợ (tối đa) *Support level (Maximum)*
Từ 10 tỷ đồng đến dưới 30 tỷ đồng *From 10 billions VND to less than 30 billions VND*	2,0 tỷ đồng *2.0 billions VND*
Từ 30 tỷ đồng đến dưới 50 tỷ đồng *From 30 billions VND to less than 50 billions VND*	3,0 tỷ đồng *3.0 billions VND*
Từ 50 tỷ đồng trở lên *From 50 billions VND and above*	5,0 tỷ đồng *5.0 billions VND*

PHƯƠNG HƯỚNG PHÁT TRIỂN NGÀNH NÔNG, LÂM NGHIỆP

Orientation for the development of agro-forestry sector

Phát triển nông, lâm nghiệp và thủy sản theo hướng sản xuất hàng hóa, có sức cạnh tranh cao, phát huy lợi thế đặc sản địa phương, gắn sản xuất nông nghiệp với du lịch. Phát triển nông nghiệp sinh thái, hữu cơ, tuần hoàn, phát thải các-bon thấp, thân thiện với môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu và bền vững. Xây dựng cơ cấu, hình thức tổ chức sản xuất hợp lý, có thương hiệu và uy tín, phát triển công nghiệp chế biến và chuỗi phân phối sản phẩm, kết nối bền vững với chuỗi giá trị nông sản toàn cầu.

Ưu tiên thúc đẩy phát triển một số chuỗi sản phẩm nông nghiệp đặc trưng, đặc hữu, chất lượng cao theo chuỗi giá trị gồm: Na tại các khu vực Chi Lăng, Hữu Lũng; hồng tại các khu vực Cao Lộc, Văn Lãng; thạch đen tại các khu vực Bình Gia, Tràng Định, Văn Lãng; hồi tại các khu vực Văn Quan, Bình Gia, Tràng Định, Văn Lãng, Cao Lộc, Bắc Sơn; thông tại các khu vực Cao Lộc, Lộc Bình, Đình Lập. Đến năm 2030 có từ 140 sản phẩm OCOP đạt từ 3 sao trở lên.

Nâng cao chất lượng rừng trồng, chú trọng phát triển trồng rừng gỗ lớn, dược liệu dưới tán rừng. Bảo vệ nghiêm ngặt rừng đặc dụng và bảo vệ tốt rừng phòng hộ. Phát triển công nghiệp chế biến gỗ, lâm sản ngoài gỗ, dược liệu từ rừng và hình thành các cơ sở sản xuất, kinh doanh lâm sản ngoài gỗ, giống cây lâm nghiệp. Đẩy mạnh xã hội hoá, tăng nhanh diện tích rừng được cấp chứng chỉ quản lý rừng bền vững, từng bước phát triển thị trường tín chỉ Các-bon.

Theo Quyết định phê duyệt Quy hoạch tỉnh Lạng Sơn thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 của Thủ tướng Chính phủ
(Quyết định số 236/QĐ-TTg ngày 19/3/2024)

Develop agriculture, forestry, and fisheries towards commercial production with high competitiveness, promoting local specialty advantages, and linking agricultural production with tourism. Develop ecological, organic, circular, and low-carbon agriculture, which is environmentally friendly, adaptive to climate change, and sustainable. Establish a reasonable production structure and organization, with brands and reputation; develop agro-processing industries and product distribution chains that are sustainably connected with the global agricultural value chain.

Prioritize the promotion of several characteristic and high-quality agricultural value chains, including: Custard apple in Chi Lang and Huu Lung areas; Persimmon in Cao Loc and Van Lang areas; Black jelly in Binh Gia, Trang Dinh, and Van Lang areas; Star anise in Van Quan, Binh Gia, Trang Dinh, Van Lang, Cao Loc, and Bac Son areas; Pine in Cao Loc, Loc Binh, and Dinh Lap areas. By 2030, there will be at least 140 OCOP products rated three stars or higher.

Improve the quality of planted forests, focusing on the development of large-timber plantations and medicinal plant cultivation under forest canopies. Strictly protect special-use forests and protection forests. Develop the wood processing industry, non-timber forest products, and forest-based medicinal materials; establish production and business facilities for non-timber forest products and forestry seedlings. Promote socialization, rapidly expand forest areas certified for sustainable forest management, and gradually develop the carbon credit market.

(According to Decision No. 236/QD-TTg dated March 19, 2024, approving the Lang Son Provincial Planning for the period 2021 – 2030, with a vision to 2050, issued by the Prime Minister)

BIÊN TẬP VÀ PHÁT HÀNH/ EDITED AND PUBLISHED BY

TRUNG TÂM THÔNG TIN VÀ DỊCH VỤ ĐỐI NGOẠI/ CENTER OF INFORMATION AND EXTERNAL SERVICE

Website: http://songv.langson.gov.vn/ | Email: Trungtamttdvdnls@gmail.com | Điện thoại/*Tel*: 02053. 896.899

Chịu trách nhiệm xuất bản/ Chịu trách nhiệm nội dung:

In charge of publishing/ Content:

Trịnh Tuyết Mai - Giám đốc Sở Ngoại vụ

Trinh Tuyet Mai - Director of Department of Foreign Affairs

Ban Biên tập/ *Editorial:*

1. Bà Trần Thị Vân Thuỳ, Trưởng Ban Biên tập; *Ms. Tran Thi Van Thuy, Editor-in-Chief;*
2. Ông Vũ Bằng Giang, Phó Trưởng Ban Biên tập; *Mr. Vu Bang Giang, Deputy Editor-in-Chief;*
3. Ông Lã Văn Việt, Thành viên; *Mr. La Van Viet, Member;*
4. Bà Hoàng Thị Mai Thu, Thành viên; *Ms. Hoang Thi Mai Thu, Member;*
5. Bà Ong Hương Trang, Thành viên; *Ms. Ong Huong Trang, Member;*
6. Ông Hứa Văn Dương, Thành viên; *Mr. Hua Van Duong, Member.*

Người thiết kế, sửa bản in, trình bày: Trần Thanh Tùng

Designed, edited, presented by Tran Thanh Tung

Giấy phép xuất bản số 87/GP-SVHTTDL do Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch tỉnh Lạng Sơn cấp ngày 17/12/2025.

In 300 cuốn khổ 21cm x 29.7 cm tại Công ty cổ phần In Quảng cáo Âu Việt -

Số 9, hẻm 209/20/45, đường An Dương Vương, phường Phú Thượng, thành phố Hà Nội

In xong và nộp lưu chiểu quý IV/2025

Sách không bán/ *Not for sale*